TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-4-2019
V/v: ly hôn giữa ông K
và bà H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận

Bà Nguyễn Thị Thương

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Mai -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tùng Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 288/2018/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1987, "có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

Địa chỉ: khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1993, "vắng mặt"

HKTT: khu phố A, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:*

Về hôn nhân: Năm 2007, ông K và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H, huyện Đất Đỏ ngày 26-9-2012. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc từ khi kết hôn đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà H tiêu xài phung phí làm ảnh hưởng đến tài chính của gia đình, thiếu trách nhiệm với chồng con và còn có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên đã tự ý bỏ nhà đi từ năm 2009 đến năm 2011 thì quay về chung sống với ông K, đến năm 2012 vợ chồng đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một năm thì bà H tiếp tục bỏ nhà đi và vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay. Trong thời gian ly thân, ông K cũng đã nhiều lần tìm kiếm bà H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông K yêu cầu được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông K khai vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 17-9-2008 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 05-11-2011, hiện hai con đang ở với ông K. Ông K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông K xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà H.

3. Tại Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của ông K và bà H thể hiện: Quá trình chung sống giữa ông K và bà H có xảy ra mâu thuẫn, nhưng hai người không yêu cầu địa phương can thiệp và hòa giải, hiện ông K và bà H đang sống ly thân.

4. Tại biên bản lấy lời khai cháu Nguyễn Thị Khánh H và Nguyễn Văn L trình bày: Hiện các cháu đang ở với ba từ khi cha mẹ ly thân đến nay, nay cha mẹ ly hôn, cháu H và cháu L có nguyện vọng được sống chung với ba.

5. *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là

đúng quy định của pháp luật. Riêng bị đơn bà H, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, do vậy xét xử vắng mặt bà H là phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy xét xử vắng mặt ông K là phù hợp khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

- Căn cứ yêu cầu khởi kiện của ông K xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông K.

- Bị đơn bà H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về hôn nhân*: Ông K và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đất Đỏ theo giấy chứng nhận kết hôn số 256/2012, quyển số 01/2012 ngày 26-9-2012 nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do bà H không biết chăm lo cho kinh tế gia đình, thiếu trách nhiệm với chồng con và không chung thủy đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hòa giải, khắc phục được dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Từ đó có thể thấy, trong cuộc sống vợ chồng giữa ông K và bà H luôn tồn tại mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không những không hàn gắn mà còn trở nên trầm trọng, điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của hai người tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án, bà H không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập nhưng không có lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông K, điều này cho thấy bà H không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với ông K. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho ông K và bà H ly hôn là phù hợp.

[2.2] *Về nuôi con chung*: Bà H không tham gia vào quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng bà H tự từ bỏ quyền lợi của mình về con chung. Xét yêu cầu của ông K là có căn cứ, phù hợp với nguyện vọng của các con nên chấp nhận. Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 17-9-2008 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 05-11-2011 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm thời, ông K không yêu cầu bà H cấp dưỡng nên không xét đến.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông K xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, ông K phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà H không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Văn K ly hôn với bà Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Khánh H, sinh ngày 17-9-2008 và Nguyễn Văn L, sinh ngày 05-11-2011 cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, ông K không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông K và bà H đều có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Bà H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông K xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

- Ông K phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0003792 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Ông K đã nộp đủ tiền án phí.

- Bà H không chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc

không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND thị trấn H;
(GCNKH số 256, ngày 26-9-2012)
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung